

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107** /2018/DS-ST
Ngày 10/12/2018
V/v: *Kiện đòi tài sản và Yêu
cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vương Minh Tân**
2. Ông **Hà Hữu Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Hương** - Thư ký TAND thành phố
Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên
tòa:** Bà **Nông Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 22/11/2018 đến 26/11/2018; 04/12/2018 và 10/12/2018, tại
Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân
sự thụ lý số 27/2017/TLST- DS ngày 27 tháng 4 năm 2017_về *Kiện đòi tài sản là nhà
đất cho ở nhờ và Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu* theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 22/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Lê Xuân H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ L, thị trấn V, huyện C, tỉnh T. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông **Trần Xuân C**, sinh năm 1951

và bà **Nguyễn Thị Ngọc Q**, sinh năm 1948

Cùng địa chỉ: Số nhà 1, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T. Ông C, bà Q có
mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Nguyễn Văn Hi**, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ 12, phường H, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Hn, sinh năm 1970 (do ông Lê Xuân H làm đại diện theo uỷ quyền)

Địa chỉ: Tổ L, thị trấn V, huyện C, tỉnh T. Có mặt.

- Anh Trần Mạnh H1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà 1, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

- Anh Trần Hồng Qu, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà 1, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

- Phòng công chứng số 4 tỉnh T

Địa chỉ: Số 01, đường C, tổ 17, phường T, thành phố T, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ninh Văn T, chức vụ: Trưởng phòng

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Đoàn Thị M, chức vụ: Công chứng viên.

- Bà Đoàn Thị M, công chứng viên phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số 01, đường C, tổ 17, phường T, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 25/9/2016, ông bà Trần Xuân C và Nguyễn Thị Ngọc Q vay của ông Nguyễn Văn Hi số tiền là 350.000.000đ, thời hạn vay là 3-5 ngày, mục đích vay để ông bà C Q trả nợ Ngân hàng ở Trung Môn, lấy Giấy CNQSDĐ ra thế chấp vay Ngân hàng khác được nhiều tiền hơn để kinh doanh. Sau khi vay được của ông Hi số tiền 350.000.000đ và trả nợ ngân hàng, ông bà C Q sử dụng giấy CNQSDĐ làm thủ tục vay tiền Ngân hàng đầu tư tỉnh Tuyên Quang nhưng không vay được. Đến hạn trả nợ, ông bà C Q không có tiền trả cho ông Hi nên ông Hi có nói với ông bà C Q làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông để ông thế chấp vay hộ tiền nên ngày 30/9/2016, ông bà C Q đã lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Hi quyền sử dụng đất và nhà thuộc số nhà 1, đường B, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T tại phòng công chứng số 4 tỉnh T. Tuy nhiên vì chỉ có hợp đồng chuyển nhượng công chứng nhưng chưa làm thủ tục sang tên nên Ngân hàng không cho ông Hi vay tiền, sau đó giữa ông Hi và ông bà C Q đã cùng nhau huỷ hợp đồng lập ngày 30/9/2016 tại phòng công chứng số 4 tỉnh T. Ngày 28/10/2016, ông bà C Q nhất trí làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất nêu trên cho ông Hi tại phòng công chứng số 4 tỉnh T và sang tên quyền sử dụng đất cho ông Hi để ông Hi thế chấp vay tiền Ngân hàng và cho vợ chồng ông bà C Q vay số tiền 700.000.000đ (có giấy vay tiền do ông Trần Xuân C viết ngày 28/10/2016) kèm theo cam kết là trong thời hạn 01 năm nếu ông bà C Q trả đủ tiền gốc, lãi cho ông Hi lúc nào thì ông Hi sẽ làm thủ tục chuyển lại quyền sử dụng nhà đất cho ông bà C Q, quá hạn thì quyền sử dụng nhà đất tại số nhà 1, đường B, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T chính thức thuộc về ông Nguyễn Văn Hi, sau đó vài ngày ông Hi đã làm thủ tục sang tên bìa đỏ sang tên ông tại Sở tài nguyên môi trường. Do ông Hi thế chấp quyền sử dụng nhà đất số nhà 1, đường B, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T chỉ vay được Ngân hàng số tiền 500.000.000đ còn 200.000.000đ trong

tổng số tiền 700.000.000đ cho ông bà C Q vay là của ông Hi nên ông Hi yêu cầu ông bà C Q phải trả lãi số tiền 500.000.000đ ông vay Ngân hàng là 1.125%/tháng còn phải trả lãi số tiền 200.000.000đ vay của ông là 3.000đ/triệu/ngày. Sau đó ông bà C Q trả được cho ông Hi một lần tiền lãi của tháng 11/2016 là 8.750.000đ, tháng 12/2016 không trả nữa dù ông Hi nhiều lần yêu cầu.

Đến tháng 1/2017 (không nhớ ngày), ông Nguyễn Văn Hi nhận được điện thoại của ông Lê Xuân H ở Chiêm Hoá – Tuyên Quang hỏi về việc mua bán nhà của ông bà C Q. Ông Hi nói hiện nhà và đất ông bà C Q đang ở đã chuyển nhượng cho ông rồi, nếu ông H muốn mua thì phải giao dịch với ông, ông H nhất trí. Ngày hôm sau, vợ chồng ông bà Lê Xuân H, Nguyễn Thị Hn cùng ông bà C, Q và chị Tôn Thị L (là em họ bà Q) cùng đến nhà ông Hi để làm thủ tục bán nhà cho ông bà H Hn. Hôm đó ông Hi mới được biết ông bà C Q đã thoả thuận thống nhất bán nhà đất cho ông bà H Hn với giá là 1.300.000.000đ. Ông Hi cho rằng việc bán nhà như vậy đã do ông bà C Q chủ động và nhận thấy số tiền bán nhà chênh lệch với số tiền 700.000.000đ ông bà C Q đang vay của ông là 600.000.000đ nên thoả thuận chia đôi trả lại cho ông bà C Q là 300.000.000đ, ông bà C Q nhất trí. Sau khi thống nhất, ông bà H Hn đi cùng ông Hi đến chi nhánh Ngân hàng T để ông H nộp trả 500.000.000đ tiền gốc còn ông Hi trả lãi tương ứng cho Ngân hàng. Sau đó ông Hi và ông bà H Hn đến phòng công chứng số 4 tỉnh T làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Hi cho ông bà H Hn, diện tích thửa đất chuyển nhượng là 62,7m² tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 23, địa chỉ thửa đất tại số nhà 1, đường B, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T. Phía đông giáp đường Bình Thuận, phía nam và phía tây giáp đất nhà bà Nguyễn Thị L, phía Bắc giáp đất ông Lê Thanh T; Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà xây 2 tầng (xây hết diện tích đất). Khi trở lại nhà ông Hi, lúc này còn bà Q và chị L đang ngồi chờ, ông bà H Hn trả tiếp cho ông Hi số tiền 750.000.000đ, nợ lại 50.000.000đ đến khi nhận bàn giao nhà đất từ ông bà C Q thì sẽ trả nốt cho ông bà C Q. Ông Hi đưa lại cho bà Q số tiền là 200.000.000đ trong số tiền đã thoả thuận chia là 300.000.000đ, ông Hi giữ lại 50.000.000đ mục đích để chi phí làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho ông bà H Hn, hết bao nhiêu sẽ tính toán trừ và trả lại tiền thừa cho ông bà C Q. Ông Hi trả lại cho bà Q giấy vay tiền 700.000.000đ do ông C viết, khi trả lại giấy ông Hi viết vào mặt sau giấy vay tiền nội dung là từ ngày hôm nay không vướng mắc, giấy tờ gì trước đây không còn giá trị với ông bà C Q. Lúc này ông bà Hn H và bà Q có viết thoả thuận (phía dưới giấy biên nhận tiền bán nhà) là để cho ông bà C Q ở nhờ đến trước ngày 25/01 âm lịch năm 2017 sẽ bàn giao nhà đất. Đến hẹn, ông bà H Hn đến trả nốt tiền và nhận bàn giao nhà đất nhưng ông bà C Q không trả, ông C tuyên bố là nhà của ông ông không trả cho ai, đồng thời còn dọa nạt sẽ nổ mìn huỷ hoại nhà. Sau đó ông H có nhờ chính quyền địa phương can thiệp vào các ngày 16/02/2017 và 22/02/2017 về việc yêu cầu ông bà C Q trả nhà cho vợ chồng ông nhưng không thành.

Ngày 28/3/2017, ông Lê Xuân H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Xuân C và bà Nguyễn Thị Ngọc Q trả lại quyền sử dụng đất và nhà tại địa chỉ số nhà 1, đường B, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T đã thuộc quyền sử dụng của ông và vợ là Nguyễn Thị Hn được cơ quan nhà nước công nhận.

Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang thụ lý giải quyết vụ án theo quy định.

Ngày 27/3/2018, anh Trần Mạnh H1 khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 28/10/2016 lập tại phòng công chứng số 4 tỉnh T giữa ông bà Trần Xuân C, Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Văn Hi vô hiệu vì hợp đồng này là giả tạo, việc chuyển nhượng không có sự đồng ý của anh và em trai anh là Trần Hồng Qu, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số nhà 1, đường B, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T được cấp cho hộ gia đình bao gồm ông bà C Q (là bố mẹ anh) và hai con là Trần Mạnh H1 và Trần Hồng Qu.

Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang thụ lý vụ án và tiến hành nhập hai vụ án thành một vụ án để giải quyết. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự trong vụ án nhưng không thành.

Tại phiên toà ngày 10/12/2018:

Anh Trần Mạnh H1 xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 28/10/2016 giữa ông Trần Xuân C và bà Nguyễn Thị Ngọc Q với ông Nguyễn Văn Hi được công chứng tại Phòng công chứng số 4 tỉnh T, số công chứng 5.350 là vô hiệu. Lý do xin rút đơn khởi kiện vì: Ông Trần Xuân C, bà Nguyễn Thị Ngọc Q cùng các con là Trần Mạnh H1, Trần Hồng Qu đã thống nhất trả lại cho vợ chồng ông bà Lê Xuân H, Nguyễn Thị Hn quyền sử dụng đất và tài sản (nhà trên đất) tại SN 1, đường B, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T. Ông bà H Hn trả cho ông bà C Q số tiền 30.000.000đ (trong số tiền mua nhà còn nợ là 50.000.000đ do đã trừ chi phí chuyển nhượng là 20.000.000đ). Ông Nguyễn Văn Hi trả cho ông bà C Q số tiền 320.000.000đ. Các nội dung thoả thuận nêu trên sẽ được các đương sự thực hiện ngay trong ngày 10/12/2018.

Các đương sự Lê Xuân H, Nguyễn Thị Hn, Nguyễn Văn Hi, Trần Xuân C, Nguyễn Thị Ngọc Q, Trần Hồng Qu, Đoàn Thị M đều xác định nội dung thoả thuận như anh Trần Mạnh H1 đã trình bày là đúng, các bên nhất trí thực hiện theo thoả thuận và nhất trí với việc anh H1 rút đơn khởi kiện, không có ý kiến khác, đề nghị Toà án chấp nhận việc rút khởi kiện của anh H1 và công nhận sự thoả thuận để các đương sự cùng thực hiện. Ông H tự nguyện chịu chi phí thẩm định của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận việc rút yêu cầu của anh Trần Mạnh H1, đình chỉ xét xử về yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 28/10/2016 giữa ông Trần Xuân C và bà Nguyễn Thị Ngọc Q với ông Nguyễn Văn Hi được công chứng tại Phòng công chứng số 4 tỉnh T, số

công chứng 5.350 vô hiệu. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc ông bà C Q có nghĩa vụ trả lại nhà và đất tại số nhà 1, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T cho ông bà H Hn. Ông bà H Hn có nghĩa vụ trả cho ông bà C Q số tiền là 30.000.000đ. Ông Hi có nghĩa vụ trả cho ông bà C Q số tiền là 320.000.000đ.

Về chi phí thẩm định ông Hưởng tự nguyện chịu, các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Xét thấy tại phiên toà, anh Trần Mạnh H1 xin rút yêu cầu khởi kiện về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 28/10/2016 giữa ông Trần Xuân C và bà Nguyễn Thị Ngọc Q với ông Nguyễn Văn Hi được công chứng tại Phòng công chứng số 4 tỉnh T, số công chứng 5.350 vô hiệu. Các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc ông bà C Q có nghĩa vụ trả lại nhà và đất tại số nhà 1, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T cho ông bà H Hn. Ông bà H Hn có nghĩa vụ trả cho ông bà C Q số tiền mua nhà còn nợ là 30.000.000đ. Ông Hi có nghĩa vụ trả cho ông bà C Q số tiền đã nhận của ông bà H Hn là 320.000.000đ. Việc rút yêu cầu khởi kiện và việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần đình chỉ xét xử đối với rút yêu cầu khởi kiện của anh Trần Mạnh H1 và công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Ông Trần Xuân C, bà Nguyễn Thị Ngọc Q cùng các con là Trần Mạnh H1, Trần Hồng Qu có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông bà Lê Xuân H, Nguyễn Thị Hn quyền sử dụng đất và tài sản (nhà trên đất) tại SN 1, đường B, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T. Cụ thể: Diện tích 62,7m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 438, tờ bản đồ số 23, đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 326852 ngày 10/6/2013, trên đất có 01 nhà xây (02 tầng).

Ông bà Lê Xuân H, Nguyễn Thị Hn có nghĩa vụ trả cho ông bà Trần Xuân C, Nguyễn Thị Ngọc Q số tiền 30.000.000đ (trong số tiền mua nhà còn nợ là 50.000.000đ sau khi đã trừ chi phí chuyển nhượng là 20.000.000đ).

Ông Nguyễn Văn Hi có nghĩa vụ trả cho ông bà Trần Xuân C, Nguyễn Thị Ngọc Q số tiền 320.000.000đ.

Các nội dung thoả thuận nêu trên các đương sự thoả thuận thực hiện trong ngày 10/12/2018.

[2] Về án phí và chi phí thẩm định:

Chi phí thẩm định là 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*), ông Lê Xuân H đã nộp tiền tạm ứng chi phí và tự nguyện nhận chịu toàn bộ số tiền nêu trên.

Anh Trần Mạnh H1 không phải nộp án phí.

Ông Lê Xuân H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông Trần Xuân C và bà Nguyễn Thị Ngọc Q được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm (theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 147, 157, 244, 264, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Mạnh H1 về việc Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 28/10/2016 giữa ông Trần Xuân C và bà Nguyễn Thị Ngọc Q với ông Nguyễn Văn Hi được công chứng tại Phòng công chứng số 4 tỉnh T, số công chứng 5.350 vô hiệu.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Ông Trần Xuân C, bà Nguyễn Thị Ngọc Q cùng các con là Trần Mạnh H1, Trần Hồng Qu có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông bà Lê Xuân H, Nguyễn Thị Hn quyền sử dụng đất và tài sản (nhà trên đất) tại SN 1, đường B, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T. Cụ thể: Diện tích 62,7m² đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 438, tờ bản đồ số 23, đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 326852 ngày 10/6/2013, trên đất có 01 nhà xây (02 tầng).

- Ông bà Lê Xuân H, Nguyễn Thị Hn có nghĩa vụ trả cho ông bà Trần Xuân C, Nguyễn Thị Ngọc Q số tiền 30.000.000đ (trong số tiền mua nhà còn nợ là 50.000.000đ sau khi đã trừ chi phí chuyển nhượng là 20.000.000đ).

- Ông Nguyễn Văn Hi có nghĩa vụ trả cho ông bà Trần Xuân C, Nguyễn Thị Ngọc Q số tiền 320.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Lê Xuân H phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0003180 ngày 27/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Hoàn trả cho ông H số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Xuân C và bà Nguyễn Thị Ngọc Q được miễn nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Trần Mạnh H1 số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0005129 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang (do anh Trần Văn Th nộp thay).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

